

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

KHẢO SÁT LỖI SAI KHI SỬ DỤNG TỪ LY HỢP KẾT CẤU ĐỘNG TÂN CỦA SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG VIỆT MỸ HÀ NỘI LÊ THU TRANG*

TÓM TẮT: Hiện nay, có không ít nghiên cứu về lỗi sai khi sử dụng từ ly hợp, đối tượng nghiên cứu là những người học tiếng Trung Quốc hoặc lưu học sinh học tiếng Trung Quốc của các nước như Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ... Bài báo này là một nghiên cứu cụ thể, lấy đối tượng sinh viên học chuyên ngành tiếng Trung Quốc của Trường Cao Đẳng Việt Mỹ năm hai là đối tượng nghiên cứu, nhằm chỉ ra các lỗi sai khi sử dụng từ ly hợp thường gặp, phân loại lỗi sai. Từ những lỗi sai trên, bài viết đưa ra một số kiến nghị cụ thể về phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng dạy và học từ ly hợp nói riêng và tiếng Trung Quốc nói chung.

TỪ KHOÁ: lỗi sai; từ ly hợp kết cấu động tân; sai vị trí; trùng điệp sai, nguyên nhân lỗi sai.

NHẬN BÀI: 22/05/2025.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 14/08/2025

1. Đặt vấn đề

Trong quá trình giảng dạy tiếng Trung Quốc, chúng tôi nhận thấy, ngữ pháp luôn là một trọng điểm giảng dạy, nhất là các hiện tượng ngữ pháp khác với tiếng Việt hoặc không xuất hiện trong tiếng Việt. Người học khi gặp khó khăn và dằn dũa sai.

Từ ly hợp là một hiện tượng của riêng ngữ pháp tiếng Trung Quốc. Từ ly hợp được tạo thành từ hai ngữ tố/ từ tố, giữa hai ngữ tố này khi cần thiết có thể bị "ly" (tách rời) để chèn thêm các thành phần khác vào giữa, tạo sự đa dạng trong diễn đạt. Từ ly hợp có rất nhiều loại như: từ ly hợp kết cấu động tân (ví dụ: 下乡, 回信, 兜风, 唱歌, 做梦....); từ ly hợp kết cấu động bổ (ví dụ: 抓紧, 打倒, 展开, 离开...), từ ly hợp kết cấu chủ vị (ví dụ: 心烦, 手巧, 胆小...). Trong bài báo này, chúng tôi tập trung khảo sát từ ly hợp kết cấu động tân (dưới đây gọi tắt là từ ly hợp) bởi đây là loại từ chiếm tỉ lệ nhiều nhất trong số các từ ly hợp và cũng là loại từ mà sinh viên thường mắc nhiều lỗi sai nhất. Cụ thể, bài viết này: 1) Phân tích lỗi sai, nguyên nhân mắc lỗi sai; 2) Đề xuất một số biện pháp để nâng cao chất lượng dạy và học từ ly hợp kết cấu động tân.

Thống kê từ Từ điển tiếng Hán hiện đại: có 3184 từ ly hợp kết cấu động tân. Từ ly hợp kết cấu động tân thường do hai thành phần cấu tạo nên gồm: từ tố thứ 1 (là động từ) + từ tố thứ 2 (là danh từ) (dưới đây tác giả gọi tắt là gồm động từ và tân ngữ). Hai thành phần này tạo thành một từ hoàn chỉnh khi sử dụng và tách nhau ra khi cần thiết.

2. Cách thức tiến hành

Đối tượng nghiên cứu của bài viết là các lỗi sai trong việc sử dụng từ ly hợp có cấu trúc động-tân trong tiếng Trung mà sinh viên chuyên ngành tiếng Trung Quốc của Trường Cao đẳng Việt Mỹ Hà Nội mắc phải. Cụ thể, nghiên cứu tập trung vào các từ ly hợp thường xuất hiện trong bài học và giao tiếp, đồng thời có mức độ phức tạp nhất định trong cấu trúc cú pháp và ngữ nghĩa. Cụ thể, dữ liệu nghiên cứu bao gồm 82 phiếu khảo sát thu thập được trong quá trình khảo sát. Các phiếu khảo sát được phân tích để nhận diện và phân loại lỗi sai liên quan đến việc sử dụng từ ly hợp động-tân.

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng hai phương pháp nghiên cứu chính là phương pháp định tính kết hợp định lượng nhằm đảm bảo tính khách quan, chính xác và chiều sâu trong quá trình phân tích lỗi sai của sinh viên khi sử dụng từ ly hợp kết cấu động-tân của sinh viên chuyên ngành tiếng Trung.

Đồng thời, nghiên cứu còn áp dụng phương pháp đối chiếu ngôn ngữ giữa tiếng Việt và tiếng Trung để giải thích các lỗi sai do ảnh hưởng từ tiếng mẹ đẻ, cũng như ảnh hưởng của quá trình dịch chuyển ngữ

*Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam; Email: thutrang293@gmail.com

nghĩa không tương đương trong quá trình tiếp thu ngôn ngữ đích.

Mặt khác, phương pháp thống kê mô tả được dùng để xử lý các số liệu định lượng, từ đó đưa ra nhận định tổng quát về tần suất, mức độ phổ biến của từng dạng lỗi. Kết hợp các phương pháp trên cho phép nghiên cứu đưa ra cái nhìn toàn diện và có căn cứ về thực trạng sử dụng từ lý hợp kết cấu động-tân trong nhóm đối tượng khảo sát.

2.2. Kết quả nghiên cứu

Tác giả đã tiến hành khảo sát trên phiếu khảo sát của 82 sinh viên Trường Cao đẳng Việt Mỹ năm thứ 2, sau đó tiến hành phân loại lỗi sai, tỉ lệ mắc lỗi sai và tìm nguyên nhân của lỗi sai. Trong quá trình khảo sát, thống kê, tác giả phát hiện các lỗi sai thường gặp nhất của sinh viên khi sử dụng từ lý hợp kết cấu động tân là trùng điệp sai công thức, đặt sai vị trí của tân ngữ, của trợ từ động thái và của bổ ngữ. Rất nhiều sinh viên trong quá trình sử dụng đã sử dụng từ lý hợp kết cấu động tân như một động từ thường mà quên rằng từ lý hợp kết cấu động tân là một từ loại đặc biệt có kết cấu gồm động từ và tân ngữ, chính vì vậy dẫn đến lỗi sai khi kết hợp từ lý hợp kết cấu động tân với tân ngữ, trợ từ động thái và bổ ngữ.

2.2.1. Các dạng lỗi sai thường gặp khi sử dụng từ lý hợp kết cấu động tân

2.2.1.1. Động từ lý hợp kết cấu động tân trực tiếp mang tân ngữ

Như chúng ta biết từ lý hợp kết cấu động tân gồm động từ và tân ngữ, tuy vậy khi sử dụng từ lý hợp kết cấu động tân, do tiếng Việt không có dạng từ này nên rất nhiều sinh viên lại coi từ lý hợp kết cấu động tân như một động từ thường, từ đó đặt trực tiếp tân ngữ thứ 2 sau kết cấu động tân, điều này dẫn tới câu bị sai. Tác giả đã tiến hành khảo sát lỗi sai này và phát hiện tỉ lệ mắc lỗi sai trung bình là 50,3%. Cụ thể như sau:

STT	Câu khảo sát	Số lượt sai	Tỉ lệ %	STT
1	我们是老同学，我好久了才.....。	36	43,9	(1)见面跟他;(2)见面他;(3)跟他见面
2	上课的时候他常常.....。	42	51,2	(1)聊天儿同学;(2)聊天和同学;(3)同学聊天
3	她跳得太好了，.....。	53	64,6	(1)观众都鼓掌他;(2);观众都鼓掌为他 (3)观众都鼓他掌
4	我想跟领导谈话，不想.....。	34	41,5	(1)谈话和你;(2)谈你的话;(3)谈话你

“见面”，“聊天”，“鼓掌”，“谈话”đều là các từ lý hợp kết cấu động tân quen thuộc đối với người học, có thể nói là những từ lý hợp đầu tiên mà người học tiếp xúc, tuy vậy số lượt mắc lỗi này vẫn ở tỉ lệ khá cao, có ½ tổng số câu được khảo sát sinh viên sai trên 50%. Có thể dễ dàng nhận thấy hầu hết là lỗi đặt tân ngữ đứng ngay sau từ lý hợp kết cấu động tân hoặc sử dụng thiếu giới từ đi kèm, hoặc đặt sai vị trí tân ngữ. Tuy nhiên mỗi từ lý hợp kết cấu động tân lại thường kết hợp với các giới từ khác nhau, ví dụ như trong 4 câu được khảo sát trên “见面”，“聊天”，“谈话”kết hợp với “跟/和”nhưng “鼓掌”lại kết hợp với “为”。Đáp án chính xác cho các câu khảo sát lần lượt là: câu 1 “我们是老同学，我好久了才跟/和他见面”。Câu 2 “上课的时候他常常和/跟同学聊天儿”。Câu 3 “她跳得太好了，观众都为她鼓掌”。Câu 4 “我想跟领导谈话，不想跟/和你谈话”。Có thể dễ dàng nhận ra, việc sử dụng từ lý hợp kết cấu động tân khi có tân ngữ là một điểm khó cho sinh viên khi học và sử dụng từ lý hợp. Điều này đặt ra cho giáo viên một thách thức làm sao cho sinh viên có thể giúp sinh viên ghi nhớ tốt nhất các giới từ đi kèm để sử dụng từ lý hợp kết cấu động tân chính xác nhất, tránh những lỗi sai không đáng có.

2.2.1.2. Lỗi sai khi kết hợp với trợ từ động thái “了”，“着”，“过”

Rất nhiều sinh viên trong quá trình sử dụng từ lý hợp kết cấu động tân không mắc lỗi khi kết hợp với tân ngữ mà lại mắc lỗi đặt trợ từ động thái sai vị trí. Trong tiếng Trung Quốc có 3 trợ từ động thái thường

gặp là “了”, “着”, “过”, bản thân các trợ từ động thái này đã là một điểm khó ngữ pháp, trường hợp và các dạng sử dụng đã phức tạp, khi kết hợp với từ ly hợp kết cấu động tân càng trở nên phức tạp hơn khiến sinh viên nếu nắm ngữ pháp không chắc sẽ dễ dàng mắc lỗi sai. Để điều tra việc sử dụng từ ly hợp kết cấu động tân khi kết hợp với trợ từ động thái, tác giả sử dụng dạng khảo sát phán đoán đúng sai. Tức đưa ra câu cho sinh viên lựa chọn câu như vậy là đúng hay sai. Theo kết quả điều tra, lỗi đặt sai vị trí của trợ từ động thái khi kết hợp với từ ly hợp kết cấu động tân đứng tỉ lệ cao thứ 2. (trung bình là 63,1%).

STT	Câu khảo sát	Số lượt sai	Tỉ lệ (%)
5	我看见他时，他正跑步着呢。	50	61
6	听说，老李生病了，他请了三天假。	56	68,3
7	她离了婚离三年，还没离成。	54	65,9
8	A:小李的爱人怎么出走了？他们夫妻关系不好吗？ B:不清楚，听说他们夫妻俩从未吵架过。	48	58,5

Theo ngữ pháp tiếng Trung Quốc, khi các trợ từ “了”, “着”, “过” kết hợp với từ ly hợp kết cấu động tân thì nó sẽ đứng ngay sau động từ chính của từ ly hợp. Nếu gọi từ ly hợp là AB thì trợ từ động thái sẽ đặt vào vị trí theo công thức sau: A + 了/着/过 + B tuy vậy sinh viên vẫn nhầm lẫn công thức này dẫn đến việc xác định câu đúng/ sai không chính xác. Cụ thể như sau: với câu 5, “跑步” là từ ly hợp kết cấu động tân nên “着” cần phải đặt ngay sau “跑” và câu đúng sẽ là “我看见他时，他正跑步着呢.”. Câu 7 nhiều sinh viên đã xác định được “了” phải đặt sau động từ nhưng lại quên mất nếu động từ lặp lại thì trợ từ động thái “了” sẽ phải đặt sau động từ được lặp lại, nhưng trong câu khảo sát vị trí của “了” lại bị sai, và câu đúng là “她离婚离了三年，还没离成.”. Tương tự ở câu 8 lỗi sai cũng là đặt sai vị trí của “过”, vị trí đúng của “过” là sau “吵”ta được câu đúng như sau “不清楚，听说他们夫妻俩从未吵过架.”. Câu 6 là một câu đúng và tỉ lệ lựa chọn đúng ở câu này chiếm tỉ lệ trên 50% điều này cho thấy sinh viên không phải hoàn toàn đặt sai vị trí của trợ từ động thái khi kết hợp với từ ly hợp kết cấu động tân. Tuy nhiên với tỉ lệ chỉ duy nhất ¼ số câu có lựa chọn đúng chiếm tỉ lệ trên 50% chứng tỏ sinh viên vẫn chưa thực sự hiểu rõ về cách sử dụng từ ly hợp khi kết hợp với trợ từ động thái.

2.2.1.3. Lỗi sai khi trùng điệp từ ly hợp

Trong quá trình giảng dạy, tác giả phát hiện ra rằng, có một tỉ lệ nhất định các sinh viên mắc lỗi sai khi trùng điệp từ ly hợp. Cụ thể như sau:

STT	Câu khảo sát	Số lượt sai	Tỉ lệ (%)	Các lỗi sai phổ biến
9	听了我的话，他.....，没说什么。	38	46,3	(1) 点点了头; (2) 点头点头; (3) 点点头头
10	都十一点了，你回房间.....吧，别做了。	40	48,8	(1) 睡觉睡觉; (2) 睡睡觉觉; (3) 睡觉觉

Nếu gọi từ ly hợp kết cấu động tân là AB thì dạng trùng điệp đúng phải là AAB, tuy nhiên sinh viên khi được yêu cầu trùng điệp vẫn quên mất cách trùng điệp của dạng từ đặc biệt này và thường trùng điệp thành ABAB như các động từ song âm tiết thường gặp, thậm chí có sinh viên còn lặp lại như tính từ là AABB. Đối với câu 9, câu 10 thì dạng lặp lại là: Câu 9 “听了我的话，他点了点头，没说什么.”. Câu 10 “都十一点了，你回房间睡觉吧，别做了.”. Tỉ lệ lỗi sai khi khảo sát lỗi sai của từ ly hợp kết cấu động tân lặp lại đều dưới 50%, kết quả cho thấy đối với hiện tượng ngữ pháp này, đa số các sinh viên đã cơ bản nắm chắc.

2.2.1.4. Lỗi sai khi kết hợp với các loại bỏ ngữ

Trong tất cả các lỗi sai thường gặp của sinh viên khi dùng từ ly hợp thì đặt sai vị trí bỏ ngữ là lỗi chiếm tỉ lệ cao nhất (trung bình là 66,7%). Để khảo sát toàn diện lỗi sai này tác giả tiến hành cho sinh viên dịch câu từ tiếng Việt (tiếng mẹ đẻ) sang tiếng Trung Quốc, từ đó có thể khảo sát một cách tổng quát nhất việc sử dụng từ ly hợp kết cấu động tân của sinh viên trong câu có sử dụng bỏ ngữ. Trong phần khảo sát này, tác giả khảo sát trường hợp từ ly hợp kết cấu động tân kết hợp với bỏ ngữ tình thái, bỏ ngữ thời lượng, bỏ ngữ xu hướng và bỏ ngữ động lượng.

STT	Câu khảo sát	Số lượt sai	Tỉ lệ %	Cách dịch
11	Tôi rất thích bơi, mỗi ngày tôi đều bơi 1, 2 tiếng đồng hồ.	52/ 78	66,7	我喜欢游泳, 每天游泳一两个小时。 我很喜欢游泳, 每天我都游了一两个小时泳。 我很喜欢游泳、每天都游得一两个小时。
12	Dạo gần đây anh ấy rất bận. Mỗi ngày anh ấy ngủ có 4,5 tiếng đồng hồ.	48/75	64	最近他很忙, 每天他睡觉四五个小时。 他最近很忙的。他每天只睡了四五个小时。 最近他很忙。每天她睡着有四五个小时。
13	Nghe nói bạn hát ca rất hay.	63/82	76,8	我听说你唱歌很好听。 我听说你唱歌得很好听。 我听说你唱歌唱得很好听。
14	Anh ấy chạy bộ chạy nhiều đến mức đầu đầy mồ hôi.	58/82	71,7	他跑了很多步, 让他的头汗流浹背。 他跑步得满头大汗。 他跑步跑得很多满头都是汗。 他跑着步得头都是汗。
15	Họ đột nhiên vỗ tay lên	53/82	64,6	一看见我, 他们就鼓掌起来。 一看见我, 他们就鼓起来掌。
16	Anh ấy từng kết hôn hai lần	47/82	57,3	他结婚过两次。 他结过婚两次。

Bỏ qua lỗi sai về chính tả, hoặc lỗi dùng sai từ, trong phần này tác giả phát hiện lỗi sai thường gặp là do khi dịch câu có từ ly hợp kết cấu động tân, sinh viên đã thiếu trợ từ hoặc quên lặp lại động từ. Trong 6 câu dịch thuật được khảo sát, có hai câu cần sử dụng bỏ ngữ trạng thái và hai câu cần dùng bỏ ngữ thời lượng, một câu sử dụng bỏ ngữ xu hướng “起来” và một câu sử dụng bỏ ngữ động lượng.

Đối với câu sử dụng bỏ ngữ thời lượng, sinh viên cần nắm được đặc điểm sử dụng của bỏ ngữ là trong câu có tân ngữ cần lặp lại động từ hoặc đặt tân ngữ ở cuối câu, sau bỏ ngữ thời lượng. Cấu trúc sẽ như sau $S + V + \text{Bỏ ngữ thời lượng} + (\text{的}) + \text{Tân ngữ}$ hoặc $S + V + O + V + \text{Bỏ ngữ thời lượng}$. Tuy nhiên không ít sinh viên đã không lặp lại động từ hoặc để tân ngữ xuống cuối câu, điều này dẫn đến việc dịch sai. Thêm vào đó việc sinh viên tùy tiện thêm “了” hoặc “得” khiến câu mắc lỗi sai kép. Câu 11 cần được dịch là “我喜欢游泳, 每天游泳游一两个小时。” hoặc “我喜欢游泳, 每天游泳游一两个小时。”. Câu 12 cần dịch là “最近他很忙, 每天他睡觉睡四五个小时。” hoặc “最近他很忙, 每天他睡四五个小时 (的) 觉。”. Đối với bỏ ngữ trạng thái, khi sử dụng từ ly hợp, cần phải lặp lại động từ trong câu hoặc đặt tân ngữ lên đầu theo cấu trúc $S + O + V + \text{得} + \text{Bỏ ngữ trạng thái}$ hoặc $S + V + O + V + \text{得} + \text{Bỏ ngữ trạng thái}$ tuy nhiên trong câu 13 và 14, rất nhiều sinh viên mắc lỗi quên lặp lại động từ, quên dùng “得” hoặc đã lặp lại nhưng quên dùng “得”, hoặc quên cả lặp lại động từ và dùng “得”. Trong câu

14, sinh viên vẫn lặp lại các lỗi sai giống câu 13 nhưng vì đây là dạng bỏ ngữ trạng thái đặc biệt nên sinh viên còn mắc thêm lỗi xác định sai bỏ ngữ. Cụ thể với từ “满头大汗” nên dịch là “满头大汗” thì sinh viên lại dịch là “头都是汗” hay “让他的头汗流浹背”. Cá biệt có trường hợp thêm “着” vào trong câu khiến câu không chỉ mắc 1 lỗi sai mà là 2 lỗi. Điều này dễ giải thích vì trong phần khảo sát cách dùng trợ từ động thái kết hợp với từ ngữ khí, sinh viên cũng đã dùng sai vị trí của từ động thái, điều này càng khẳng định hơn việc sinh viên nắm về hiện tượng ngữ pháp này chưa chắc. Cách dịch chính xác của câu 13 và câu 14 lần lượt là “我听说你唱歌唱得很好听。”, “他跑步跑得满头大汗。”. Câu 15 khảo sát cách dùng từ ly hợp kết hợp với bỏ ngữ xu hướng “起来”. Từ ly hợp cần tách ra khi kết hợp với bỏ ngữ xu hướng “起来” theo công thức $S+V+起+O+来$, câu 15 đúng là “一看见我, 他们就鼓起掌来。”. Câu 16 áp dụng cấu trúc của bỏ ngữ động lượng, ta cần dịch như sau “他结过两次婚。”. Như đã nói ở trên tỉ lệ mắc lỗi sai khi sử dụng từ ly hợp kết cấu động tân trong câu bỏ ngữ chiếm tỉ lệ cao nhất, điều này đặt ra nhiệm vụ cho giảng viên khi giảng đến các bỏ ngữ này cần đặc biệt nhấn mạnh cho sinh viên hiện tượng ngữ pháp này để sinh viên có thể nhớ và không sử dụng sai.

2.2.2. Nguyên nhân dẫn đến lỗi sai khi sử dụng từ ly hợp kết cấu động tân

Trong quá trình phân tích lỗi sai, có thể nhận thấy lỗi sai khi sử dụng từ ly hợp kết cấu động tân có quy luật chứ không phải ngẫu nhiên. Chính vì vậy việc phân tích lỗi sai, tìm ra nguyên nhân là điều bắt buộc phải làm của giáo viên, sinh viên và người học tiếng Trung Quốc. Vì chỉ khi tìm ra được nguyên nhân thì mới có thể tránh được việc sử dụng sai. Từ phân tích các lỗi sai được khảo sát, tác giả tổng hợp được các nguyên nhân dẫn đến lỗi sai như sau.

Thứ nhất: Ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ. 100% sinh viên được khảo sát là người Việt Nam, trong quá trình học tiếng Trung, do chưa hiểu hoặc chưa nắm chắc các quy tắc ngữ pháp tiếng Trung nên không ít sinh viên đã dựa vào quy tắc sử dụng của tiếng Việt áp dụng vào việc học tiếng Trung, điều này dẫn đến sai sót không đáng có. Ví dụ 2 câu sai dưới đây:

Câu 17. 我毕业大学了。(Tôi tốt nghiệp đại học rồi.)

Câu 18. 我想见面她。(Tôi muốn gặp mặt cô ấy.)

Câu 17 tiếng Việt sẽ đặt “tốt nghiệp” lên trước cấp học được tốt nghiệp, nhưng trật từ từ trong tiếng Trung Quốc lại ngược lại. Điều này dẫn đến việc rất nhiều sinh viên vì không chú ý từ đầu mà biểu đạt sai ngữ pháp thành “我毕业大学了。”. Ở câu 18 tân ngữ “cô ấy” sẽ đứng ngay sau cụm từ “gặp mặt” nhưng trong tiếng Hán, thì sau “见面” không mang tân ngữ mà phải dùng đến 和/跟 để kết nối. Tuy vậy do ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ nên rất nhiều sinh viên đã nói thành 我想见面她。 Câu đúng là “我大学毕业了。” và “我想和她见面。”.

Thứ 2: Đơn giản hóa cách biểu đạt của bản thân. Không ít sinh viên khi sử dụng từ ly hợp đã lựa chọn cách đơn giản nhất để biểu đạt suy nghĩ, ý kiến của bản thân bằng việc đơn giản hóa nhất cách sử dụng từ ngữ. Điều này dẫn tới không thể biểu đạt hết ý tưởng của bản thân. Ví dụ “如果谁有什么困难, 他都愿意帮忙。”. Trong trường hợp này nên nói là “如果谁有什么困难, 他都愿意帮一下忙。” thì sẽ biểu đạt trọn vẹn được ý nghĩa hơn.

Thứ 3: Nguyên nhân đến từ giáo viên và học sinh. Cách sử dụng từ ly hợp kết cấu động tân trong câu bỏ ngữ động lượng, bỏ ngữ tình thái, bỏ ngữ xu hướng, bỏ ngữ thời lượng tương đối đồng nhất. Vị trí của trợ từ động thái “了” “着” “过” khi kết hợp với từ ly hợp là giống nhau.

Nguyên nhân từ giáo viên: Nhiều giáo viên trong quá trình giảng dạy không quá chú trọng đến ngữ pháp của từ ly hợp kết cấu động tân hoặc trong quá trình giảng dạy thường ít cho sinh viên luyện tập các dạng kết hợp của từ ly hợp với các hiện tượng ngữ pháp thường gặp, thậm chí có giáo viên chỉ liệt kê công thức mà không giải thích kĩ và giao bài tập vận dụng làm sinh viên cảm thấy khó hiểu, bối rối khi sử dụng. Nếu giáo viên ngay từ khi giảng dạy đến các bỏ ngữ, trợ từ động thái... giảng giải tỉ mỉ, kết hợp với bài tập vận dụng phong phú, lặp đi lặp lại, không ngừng nhấn mạnh trường hợp kết hợp với từ ly hợp kết cấu động tân thì chắc chắn sinh viên sẽ hiểu tầm quan trọng của việc nắm hiện tượng ngữ pháp liên quan tới từ ly hợp và chăm chỉ luyện tập ghi nhớ để tránh mắc lỗi sai.

Nguyên nhân từ sinh viên: Một số lượng lớn sinh viên ngay từ khi tiếp xúc đã mắc định từ ly hợp kết cấu động tân giống như các động từ khác chỉ có thể “hợp” chứ không thể “ly”. Vì thế trong quá trình sử dụng thường cho các thành phần bổ ngữ, trợ từ đứng sau tân ngữ của từ ly hợp kết cấu động tân dẫn đến lỗi sai không đáng có. Nếu sinh viên chú ý ghi nhớ, luyện tập không lơ là hiện tượng ngữ pháp phức tạp mà giáo viên đã nhấn mạnh thì chắc chắn các lỗi sai sẽ giảm đi rất nhiều. Một điểm bất lợi là các sinh viên được khảo sát đều đang học tập tiếng Trung Quốc tại Việt Nam, không có môi trường ngôn ngữ nên ít có môi trường luyện tập từ ly hợp kết cấu động tân nói riêng và tiếng Trung Quốc nói chung. Từ ly hợp kết cấu động tân là loại từ thường dùng trong giao tiếp, khi sinh viên khi mắc lỗi sai mà không có giáo viên sửa chữa kịp thời, dùng lâu tạo thành thói quen, sau này rất khó sửa. Chính vì vậy ngay từ khi bắt đầu tiếp xúc với từ ly hợp kết cấu động tân giáo viên và sinh viên sẽ phải đặc biệt chú ý để sửa sai ngay từ đầu, tránh trường hợp bị sai lâu ngày khó sửa.

Thứ tư: Nguyên nhân từ giáo trình. Theo tìm hiểu của tác giả, trong giáo trình học của sinh viên chuyên ngành tiếng Trung Quốc Trường Cao đẳng Việt Mỹ chỉ giới thiệu chung chung ngắn gọn về từ ly hợp kết cấu động tân, từ ly hợp kết cấu động tân tuy có xuất hiện trong bài khóa, bài tập nhưng không có phần bài tập luyện tập riêng cho từ ly hợp để sinh viên có thể kịp thời luyện tập và củng cố kiến thức ngữ pháp này. Nếu giáo viên không nhấn mạnh trong quá trình giảng dạy thì sinh viên sẽ không thấy được tầm quan trọng của việc nắm rõ đặc điểm, cách sử dụng từ ly hợp, từ đó xem nhẹ và dẫn tới dùng sai.

2.6. Một số đề xuất nhằm tăng hiệu quả, chất lượng dạy và học từ ly hợp

Từ việc tìm ra nguyên nhân mắc lỗi sai của sinh viên khi dùng từ ly hợp kết cấu động tân, tác giả xin đề xuất một số giải pháp nhằm tăng chất lượng dạy và học từ ly hợp.

Thứ nhất, xác định rõ vai trò của giáo viên và học sinh trong quá trình dạy và học. Giáo viên cần coi trọng việc giảng dạy từ ly hợp, nắm chắc cách sử dụng từ ly hợp kết cấu động tân. Trong quá trình giảng dạy cần chú trọng việc giảng dạy ngữ pháp kết hợp luyện tập nhiều và thực hành thường xuyên theo nguyên tắc “giảng ít, luyện nhiều”, “lấy học sinh làm trung tâm”. Không ngừng sáng tạo các phương pháp giảng dạy để tạo hứng thú học tập cho sinh viên. Tạo cho sinh viên môi trường ngôn ngữ để sinh viên có cơ hội sử dụng từ ly hợp thường xuyên và kịp thời sửa lỗi sai của sinh viên ngay từ ban đầu tránh để sai lâu khó sửa. Sinh viên cần hiểu rõ từ ly hợp kết cấu động tân là một trọng điểm ngữ pháp, không được xem nhẹ mà cần chăm chỉ luyện tập, thực hành ngay từ đầu. Khi được giáo viên sửa lỗi sai, cần nghiêm túc tìm hiểu nguyên nhân gây ra lỗi sai và có ý thức sửa lỗi ngay và luôn. Đặc biệt sinh viên cần tránh việc sử dụng quy tắc ngữ pháp của tiếng Việt để áp dụng vào việc sử dụng từ ly hợp trong tiếng Trung Quốc, không được áp dụng một cách máy móc các quy tắc sử dụng từ.

Thứ hai, về giáo trình giảng dạy: Trong quá trình biên soạn giáo trình, các nhà biên soạn nên chú trọng hơn nữa vào điểm ngữ pháp này. Bổ sung thêm nội dung giảng giải trường hợp khi kết hợp với từ ly hợp kết cấu động tân thì các bổ ngữ, trợ từ động thái sẽ đặt ở đâu, dạng lặp lại như thế nào. Đặc biệt cần bổ sung thêm nhiều bài tập hơn nữa về hiện tượng ngữ pháp này. Hiện tượng ngữ pháp cần được lồng ghép nhắc lại nhiều trong các phiếu bài tập đi kèm.

Thứ ba, tận dụng đúng cách các công cụ hỗ trợ quá trình học tập như các phần mềm chat GPT, Deepseek, 豆包... Tác giả đặc biệt nhấn mạnh vào sự “đúng cách” bởi trên thực tế, giáo viên có cung cấp tài nguyên, nhưng nếu sinh viên sử dụng không đúng cách, hoặc lạm dụng tài nguyên thì sẽ không thu được hiệu quả như ý mà ngược lại còn khiến sinh viên bị phụ thuộc vào chúng và chất lượng học tập giảm sút.

Cuối cùng, theo tác giả là quan điểm của giáo viên và sinh viên về tầm quan trọng của từ ly hợp kết cấu động tân. Phải coi từ ly hợp kết cấu động tân là trọng điểm ngữ pháp và có tần suất sử dụng cao. Nắm vững các quy tắc sử dụng từ ly hợp kết cấu động tân là bắt buộc để dành thời gian học tập phù hợp nhằm đạt được mục tiêu học tập, đáp ứng nhu cầu sử dụng trong công việc.

3. Kết luận

Qua quá trình giảng dạy, khảo sát, phân tích lỗi sai của sinh viên chuyên ngành tiếng Trung Quốc Trường Cao đẳng Việt Mỹ, tác giả phát hiện, lỗi sai mà sinh viên thường gặp phải khi học từ ly hợp kết cấu động tân là: đặt tân ngữ sai vị trí, đặt trợ từ động thái sai vị trí, đặt bổ ngữ sai vị trí và trùng

điệp sai. Nguyên nhân dẫn tới các lỗi trên thường do: ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ, từ chủ quan người dạy và người học và do ảnh hưởng của giáo trình. Nhằm khắc phục các lỗi sai trên đầu tiên cần có sự thay đổi về quan điểm của giáo viên và sinh viên về tầm quan trọng của từ lý hợp kết cấu động tân, các phương pháp giảng dạy và học tập đúng đắn kết hợp giữa ngữ pháp và luyện tập, sửa lỗi kịp thời. Ngoài ra cần có sự điều chỉnh giáo trình một cách hợp lý để sinh viên có thể tiếp xúc nhiều hơn với các bài tập có sử dụng từ lý hợp kết cấu động tân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. 周小兵、朱其智、邓小宁 (2007) 《外国人血汉语语法偏误研究》. 中国北京: 北京语言大学出版社.
2. 刘月华、潘文斌、故韡 (2003) 《使用现代汉语语法》. 中国北京: 商务印书馆.
3. 吕叔湘 (2005) 《现代汉语八百词》. 中国北京: 商务印书馆.
4. 任静 (2021) 《国际汉语教学中的离合词偏误分析与教学研究》. 中国西北大学硕士学位论文.
5. 邱军主编 (2020) 《成功之路》. 中国北京: 北京语言出版社.
6. 崔玲玲 (2019) 《近十年离合词研究综述》. 中国语言文字学术研究, 2019 年 21 期, 82-84.
7. 王俊 (2018) 《现代汉语离合词研究》. 中国长春: 东北师范大学出版社.

An investigation of errors in the use of separable verbs by Chinese - major students at Ha Noi Viet Nam - American College

Abstract: Currently, there have been a considerable studies on errors when using the clutching verbs, the research object includes Chinese learners or foreign students learning Chinese from countries such as Japan, Korea, the United States, etc. This paper is a specific study, taking sophomore Chinese majors of Vietnamese - USA College Ha Noi as the object of research, in order to point out errors when using common the separable verbs, classify errors. Viewing from the above errors, the article makes some specific recommendations on teaching methods to improve the quality of teaching and learning separable verbs in particular and Chinese in general.

Key words: errors; separable verb-object structure; wrong position; incorrect reduplication; causes of errors.